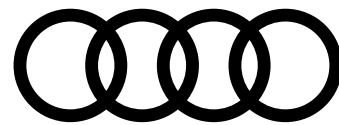


Q3



Nhà Nhập Khẩu Chính Thức Audi
AUTOMOTIVE ASIA LTD

www.audi.vn
Hotline: 1800888861
f @ /AudiVietnam

Nhà Phân Phối Chính Thức Audi

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN Á QUỐC TẾ

Audi Hà Nội
8 Phạm Hùng, P. Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm
Tel: (24) 3768 5959
Fax: (24) 3768 5960

Audi Đà Nẵng
86C Duy Tân
Quận Hải Châu
Tel: (236) 3788 686
Fax: (236) 3798 686

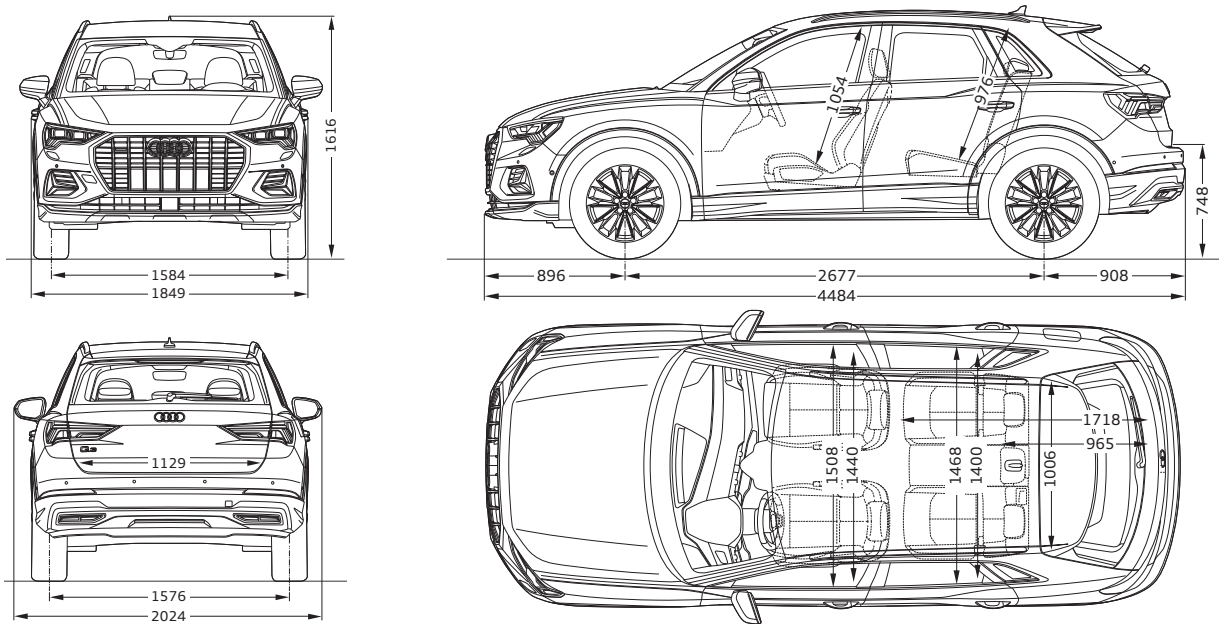
Audi Hồ Chí Minh City
6B Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tel: (28) 3911 8008
Fax: (28) 3824 3961
contact@audi.vn

Audi Tân Bình HCM
Lô IV Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Tel: (28) 3943 0089
Fax: (28) 3943 0079
contact@audi.vn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	Q3 35 TFSI
ĐỘNG CƠ	
Nhiên liệu	Xăng
Loại động cơ	4 xy-lanh thẳng hàng phun nhiên liệu trực tiếp với bộ tăng áp bằng khí xả
Dung tích (cc)	1.395
Công suất cực đại kW (hp)/rpm	110 (150 HP) / 5.000 – 6.000
Mô-men xoắn cực đại Nm/rpm	250/1.500 – 3.500
TRUYỀN ĐỘNG	
Hộp số	6 cấp S tronic
Dẫn động	Dẫn động cầu trước
HIỆU SUẤT	
Gia tốc 0-100km/h (sec.)	9,2
Tốc độ tối đa (km/h)	207
Tiêu hao nhiên liệu l/100km (Đô thị / Cao tốc / Kết hợp)	9,19 / 6,58 / 7,54 (Advanced)
Hệ thống Khởi động/Dừng	Có
PHANH	
Trước	Đĩa phanh thông gió 16-inch (NAO)
Sau	Đĩa phanh thông gió 16-inch
Hỗ trợ phanh	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Số đo (Tất cả tính bằng mm)



Kích thước dựa trên dữ liệu kỹ thuật từ Audi Đức.

Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi

Chiều dài cơ sở	2.677
Dài	4.484
Cao	1.616
Rộng (gập gương/mở gương)	1.849 / 2.024
Vết bánh xe (trước/sau)	1.584 / 1.576
Trọng lượng xe (kg)	1.545
Đường kính quay xe (m)	11,8
Dung tích khoang hành lý (l)	530
Dung tích bình xăng (l)	60

TRANG BỊ	Q3 35 TFSI
	Advanced
AN TOÀN	
Hệ thống túi khí	•
Túi khí bên ở phía trước và hệ thống túi khí rèm	•
Chốt cố định ghế trẻ em ISOFIX với dây neo trên cùng cho hàng ghế sau phía ngoài	•
Tính năng nhắc nhở thắt dây an toàn	•
Bộ sơ cứu, tam giác cảnh báo và áo phản quang	•
CÔNG NGHỆ VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ	
Nắp khoang hành lý, đóng mở bằng điện	•
Chìa khóa tiện nghi không có SAFELOCK	•
Chức năng chống trộm, ngăn chặn khởi động xe khi không có chìa khóa	•
Hệ thống camera và cảm biến hỗ trợ đỗ xe	•
Camera 360 độ	•
Camera đa chức năng	•
Cảm biến Ánh sáng/Mưa	•
Còi 2 âm	•
Hệ thống kiểm soát hành trình	•
Kiểm soát độ dốc	•
NGOẠI THẤT	
Cản Advanced sơn tương phản	•
Giả nóc màu đen	•
Gối ngoại thất đen huyền bí	•
Kính chắn gió bằng kính phản nhiệt và cách âm	•
Gương chiếu hậu bên trái phi cầu	•
Gương chiếu hậu bên phải phi cầu	•
Vỏ gương ngoại thất cùng màu thân xe	•
Gương chiếu hậu bên ngoài chỉnh điện, sưởi và gập điện	•
Cửa sổ sau, kính cửa sau và kính cửa bên bằng kính trong suốt	•
Cánh lướt gió trên nóc	•
Đèn ban ngày riêng biệt	•
BÁNH XE VÀ HỆ THỐNG TREO	
Bánh xe dự phòng tiết kiệm diện tích	•
Hệ thống treo thoải mái	•
Tay lái trợ lực cơ điện	•
Bộ dụng cụ và con đội	•
Đĩa phanh phía trước 16-inch (NAO)	•
Đĩa phanh phía sau 16-inch	•
Hệ thống giám sát áp suất lốp gián tiếp	•
Mâm hợp kim, kiểu 5 cánh, lốp 7.0J x 18, 235/55 R18	•
Lốp xe 235/55 R18 100V có lực cản lăn cực thấp, thế hệ 2 (lốp phủ polymer)	•
Phanh đỗ xe cơ điện	•
Bu lông bánh xe tiêu chuẩn	•
NỘI THẤT & TIỆN NGHI	
Thảm sàn ở phía trước và sau	•
Mồi lửa và gạt tàn thuốc lá	•
Vô lăng bọc da đa chức năng Plus, 3 chấu, có lẫy chuyển số	•
Ốp bảo vệ cạnh khoang hành lý bằng thép không gỉ	•
Ghế trước chỉnh điện	•
3 tựa đầu ở hàng ghế phía sau	•
Gương chiếu hậu bên trong tự điều chỉnh độ sáng, tràn viền	•
Bảng ghế sau có tựa tay ở giữa và giá để đồ uống	•
Các ốp trang trí bằng nhôm bạc họa tiết Dimension	•
Tựa đầu phía trước	•
Tựa tay trung tâm tiện nghi phía trước	•
Trần xe bọc vải	•
Tựa tay ở cửa bọc da tổng hợp	•
Hỗ trợ tựa lưng 4 chiều cho ghế trước	•
Hệ thống điều hòa không khí 3 vùng	•
Bề mặt tạo điểm nhấn được sơn màu đen bóng	•
Kết hợp da/da tổng hợp "mono.pur 550"	•
Ghế tiêu chuẩn ở phía trước	•
Các chi tiết nội thất bằng nhôm	•
Gối đèn nội thất đa sắc	•
Tấm ốp chống trầy bề cửa trước bằng nhôm, có đèn chiếu sáng	•

THÔNG TIN GIẢI TRÍ		
Cụm đồng hồ kỹ thuật số		•
Kết nối Bluetooth		•
Hệ thống cảnh báo người lái xe		•
Hệ thống âm thanh cao cấp SONOS với âm thanh 3D		•
Giao diện kết nối điện thoại thông minh Audi		•
TÙY CHỌN		
Gói đèn chiếu sáng LED Matrix phía trước, đèn hậu LED phía sau và hệ thống rửa đèn pha		•
Công nghệ luồng sáng Matrix		•
Đèn pha LED		•
Kiểm soát phạm vi đèn pha		•
Gói đèn hậu LED Plus		•
Hệ thống rửa đèn pha		•



Tùy chọn màu sơn:

- Đơn sắc:
- Ánh kim:
- Advanced
- Z9 Trắng Arkona, M9 Cam Pulse (**)
- Z7 Xám Chronos, L5 Bạc Floret,
- 2Y Trắng Glacier, 0E Đen Mythos,
- G3 Xám Nano, 2D Xanh Navarra,
- B1 Đỏ Progressive

Bảo hành 3 năm không giới hạn số km sử dụng

(**) Tùy chọn có tính thêm phí

Giá khởi điểm từ: 1.890.000.000 VND



Quét mã QR
hoặc truy cập www.audi.vn
để biết thêm thông tin

Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi

Thông tin chính xác vào tháng 3 năm 2024